

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 10 - 2022
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hùng.
2. Bà Nguyễn Thị Sương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 349/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 128/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Diệu H, sinh năm 1994; địa chỉ đăng ký thường trú Khu vực 2, phường V, thành phố T1, tỉnh Hậu Giang; địa chỉ chỗ ở hiện nay ấp T2, thị trấn Đ, huyện Đ, Thành phố Cần Thơ (Vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trường G, sinh năm 1984; địa chỉ Ấp 1, xã T3, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17 tháng 6 năm 2022, đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 07 tháng 9 năm 2022, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diệu H trình bày:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở quen biết, được sự đồng ý của gia đình, chị và anh Nguyễn Trường G tổ chức lễ cưới vào năm 2008 và đăng ký kết hôn lần thứ nhất vào ngày 23/7/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T3, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Sau thời gian 09 năm chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không hàn gắn được tình cảm. Năm 2017, chị khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh G. Vụ án được Tòa án nhân dân huyện Tam Bình giải quyết bằng Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự số

29/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07/02/2018. Sau đó, chị và anh G trở lại chung sống và đăng ký kết hôn lần hai vào ngày 04/10/2018 tại Ủy ban nhân dân Phường V, thành phố T1, tỉnh Hậu Giang. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không điều hòa được làm cho vợ, chồng thường xuyên xảy cựa cãi dẫn đến mất hạnh phúc. Nên chị và anh G sống ly thân từ năm 2021 đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh G.

- Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị và anh G có với nhau 02 người con chung tên Nguyễn Trường S, sinh ngày 12/3/2010 và Nguyễn Ngọc Khánh N, sinh ngày 13/10/2019. Sau khi ly hôn, chị đồng ý giao cháu S cho anh G được trực tiếp nuôi dưỡng phù hợp nguyện vọng của cháu S; yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu N, không yêu cầu anh G cấp dưỡng cho cháu N.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án:

Anh G đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H, không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Nguyễn Trường G trình bày:

Anh thống nhất lời trình bày của chị H về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian sống ly thân, con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Nay anh có kiến ý như sau:

- Về hôn nhân: Do vợ chồng không còn tình cảm, anh đồng ý ly hôn với chị H.

- Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con: Sau khi ly hôn, anh đồng ý giao cháu N cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng; yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu S phù hợp nguyện vọng của cháu S, không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho cháu S.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là vụ án yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] Về thủ tục xét xử: Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần hai vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị H theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Xét lời trình bày của chị H trong đơn khởi kiện và lời trình bày của anh G tại phiên tòa sơ thẩm thống nhất ly hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H và anh G.

[2] Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, ý kiến yêu cầu của chị H, anh G, nguyện vọng của cháu S, Tòa án giải quyết:

[2.1] Giao cháu N cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận ý kiến của chị H không yêu cầu anh G cấp dưỡng cho cháu N.

[2.2] Giao cháu S cho anh G được trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận ý kiến của anh G không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho cháu S.

[2.3] Chị H, anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Do chị H, anh G không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án, nhận định tại mốc đơn [1] “Về tố tụng” và mốc đơn [1] “Về nội dung”, Tòa án giải quyết chị H phải chịu án phí giải quyết ly hôn số tiền 300.000 đồng và được khấu trừ xong vào trong số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, các điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức

thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Diệu H và anh Nguyễn Trường G.

2. Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con:

2.1. Giao cháu Nguyễn Ngọc Khánh N, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2019 cho chị Nguyễn Thị Diệu H được trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận ý kiến của chị H không yêu cầu anh Nguyễn Trường G cấp dưỡng cho cháu N.

2.2. Giao cháu Nguyễn Trường S, sinh ngày 12/3/2010 cho anh Nguyễn Trường G được trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận ý kiến của anh G không yêu cầu chị Nguyễn Thị Diệu H cấp dưỡng cho cháu S.

2.3. Chị Nguyễn Thị Diệu H, anh Nguyễn Trường G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Diệu H phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Số tiền này được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số N_o 0010924 ngày 23 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt anh Nguyễn Trường G, vắng mặt chị Nguyễn Thị Diệu H. Báo cho anh G có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng chị H vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- CC. THADS huyện Tam Bình: 01;
- NĐ + BD: 02;
- UBND Phường V, thành phố T1, tỉnh Hậu Giang: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Cao Minh Tân

